

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2019

Ngày 31 tháng 12 năm 2019



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

---

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 20

11/2/2017 10:10:00

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>314.480.440.765</b>	<b>259.611.429.360</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>13.215.546.389</b>	<b>26.542.078.222</b>
111	1. Tiền		13.215.546.389	8.992.297.060
112	2. Các khoản tương đương tiền			17.549.781.162
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>134.339.867.800</b>	<b>102.800.968.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(4.780.295.270)	(6.189.911.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	118.129.283.800	88.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>165.494.090.487</b>	<b>128.587.572.876</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	163.577.462.218	127.385.746.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	691.767.000	568.568.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.155.346.751	2.072.083.513
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(1.930.485.482)	(1.438.824.890)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>571.211.602</b>	<b>1.487.603.689</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	571.211.602	1.487.603.689
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>859.724.487</b>	<b>193.206.573</b>
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		857.322.554	193.206.573
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.401.933	
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>112.587.623.995</b>	<b>133.922.075.122</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>112.587.623.995</b>	<b>133.922.075.122</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	112.587.623.995	133.922.075.122
222	- Nguyên giá		261.714.626.876	261.151.918.264
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(149.127.002.881)	(127.229.843.142)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>427.068.064.760</b>	<b>393.533.504.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**


Quý 4 năm 2019


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
<b>300</b>	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>91.515.936.452</b>	<b>61.794.421.678</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>91.515.936.452</b>	<b>61.794.421.678</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.	75.492.408.282	47.721.622.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.	2.273.945.867	2.025.217.757
314	4. Phải trả người lao động		9.032.693.936	8.895.158.098
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12.	1.063.892.096	174.600.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13.	1.738.023.677	918.332.964
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.914.972.594	2.059.490.666
<b>400</b>	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>335.552.128.308</b>	<b>331.739.082.804</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>335.552.128.308</b>	<b>331.739.082.804</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	14.1	131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	14.1	53.070.783.332	53.070.783.332
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu	14.1	114.060.604.975	
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	14.1	6.096.869.004	117.000.238.488
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.1	30.704.885.677	30.223.088.782
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.756.035.062	1.365.794.272
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		28.948.850.615	28.857.294.510
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		578.985.320	404.972.202
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>427.068.064.760</b>	<b>393.533.504.482</b>

  
 Võ Thị Ngọc Diễm  
 Người lập

  
 Trần Thị Lý  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Huân  
 Tổng Giám đốc




Ngày 16 tháng 01 năm 2020

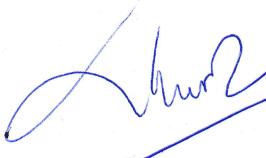


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019**

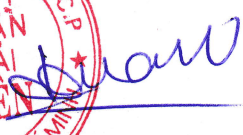
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.1	78.191.087.025	64.908.291.192	271.910.968.529	220.570.205.826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.191.087.025	64.908.291.192	271.910.968.529	220.570.205.826
11	4. Giá vốn hàng bán		69.285.744.787	52.865.902.968	227.396.290.010	175.116.382.669
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.905.342.238	12.042.388.224	44.514.678.519	45.453.823.157
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.1	4.314.845.058	1.671.530.959	9.467.244.927	8.334.811.240
22	7. Chi phí tài chính	16.	162.648.000	1.463.832.000	(1.409.616.000)	2.060.208.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.	5.826.212.843	5.976.112.836	18.227.213.531	16.913.699.653
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		7.231.326.453	6.273.974.347	37.164.325.915	34.814.726.744
31	12. Thu nhập khác	18.	37.509.455	721.010.587	294.789.375	1.580.603.288
32	13. Chi phí khác	19.	444.517.226	52.953.968	638.946.108	105.326.888
40	14. Lợi nhuận khác	19.	(407.007.771)	668.056.619	(344.156.733)	1.475.276.400
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.824.318.682	6.942.030.966	36.820.169.182	36.290.003.144
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	1.654.735.350	1.397.494.193	7.697.305.450	7.237.902.124
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.169.583.332	5.544.536.773	29.122.863.732	29.052.101.020
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.172.946.038	5.497.637.372	28.948.850.615	28.857.294.510
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.362.706)	46.899.401	174.013.117	194.806.510
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	395	245	2.209	2.202
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		395	245	2.209	2.202

  
 Võ Thị Ngọc Diễm  
 Người lập

  
 Trần Thị Lý  
 Kế toán trưởng



  
 Đỗ Văn Huân  
 Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 01 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 4 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>36.820.169.182</b>	<b>36.290.003.144</b>
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		22.524.491.757	23.914.109.086
03	- Các khoản dự phòng		(917.955.408)	2.561.153.503
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.589.745.657)	(8.334.811.240)
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>48.836.959.874</b>	<b>54.430.454.493</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(37.033.429.406)	(33.681.769.928)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		916.392.088	(753.538.571)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		28.736.157.250	13.307.427.313
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.970.591.931)	(7.111.399.244)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.798.336.301)	(5.582.650.094)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>29.687.151.574</b>	<b>20.608.523.969</b>
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.801.936.858)	(5.600.222.869)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		122.477.273	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(203.656.702.978)	(174.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		173.527.419.178	156.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.451.055.703	8.424.811.240
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.357.687.682)</b>	<b>(15.175.411.629)</b>
31	1. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát			150.000.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.655.995.725)	(15.722.558.760)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(19.655.995.725)</b>	<b>(15.572.558.760)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(13.326.531.833)</b>	<b>(10.139.446.420)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>26.542.078.222</b>	<b>36.681.524.642</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>13.215.546.389</b>	<b>26.542.078.222</b>

Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Huân  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 01 năm 2020





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019**

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")  
TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư số 200) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (Thông tư số 202) ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.4 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

**2.5 Cơ sở hợp nhất:**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019**

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 4 năm 2019**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và Công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và Công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.10 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền cho thuế*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 4 năm 2019**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.12 Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN**

*Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh*

---

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2019**

thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2019

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
Tiền mặt	162.407.747	127.211.805
Tiền gửi ngân hàng	13.053.138.642	8.865.085.255
Các khoản tương đương tiền (*)		17.549.781.162
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.215.546.389</b>	<b>26.542.078.222</b>

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng	(4.780.295.270)	(6.189.911.270)
<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>16.210.584.000</b>	<b>14.800.968.000</b>

#### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	103.943.100.971	103.943.100.971	70.000.000.000	70.000.000.000

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác, có thời hạn gốc trên ba tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2019

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
<b>6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	112.727.213.518	87.804.837.121
Phải thu từ khách hàng khác	50.850.248.700	39.580.909.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163.577.462.218</b>	<b>127.385.746.253</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.930.485.482)	(1.438.824.890)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>161.646.976.736</b>	<b>125.946.921.363</b>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công Nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	67.790.000	144.591.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>691.767.000</b>	<b>568.568.000</b>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu	2.126.212.681	1.110.000.000
Phải thu khác	729.134.070	515.083.513
Tạm ứng		177.000.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	300.000.000	270.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.155.346.751</b>	<b>2.072.083.513</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Quý 4 năm 2019**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

				VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	2.203.932.585	255.672.878.477	3.275.107.202	261.151.918.264
Mua trong kỳ			1.202.692.727	1.202.692.727
Thành				
Tăng khác		(12.652.097)		(12.652.097)
Thanh lý			(627.332.018)	(627.332.018)
Số cuối kỳ	<u>2.203.932.585</u>	<u>255.660.226.380</u>	<u>3.850.467.911</u>	<u>261.714.626.876</u>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	1.900.220.043	39.504.047.729	1.279.639.929	42.683.907.701
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(1.990.816.212)	(122.971.720.318)	(2.267.306.612)	(127.229.843.142)
Khấu hao trong kỳ	(60.890.388)	(22.022.166.664)	(441.434.705)	(22.524.491.757)
Tăng khác			627.332.018	627.332.018
Thanh lý			(2.081.409.299)	(149.127.002.881)
Số cuối kỳ	<u>(2.051.706.600)</u>	<u>(144.993.886.982)</u>	<u>(2.081.409.299)</u>	<u>(149.127.002.881)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>213.116.373</u>	<u>132.701.158.159</u>	<u>1.007.800.590</u>	<u>133.922.075.122</u>
Số cuối kỳ	<u>152.225.985</u>	<u>110.666.339.398</u>	<u>1.769.058.612</u>	<u>112.587.623.995</u>

**9. HÀNG TỒN KHO**

			VND
			Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
			Số cuối kỳ
Nhiên liệu và vật liệu		412.606.500	1.481.093.484
Công cụ, dụng cụ		4.045.102	6.510.205
Hàng gửi đi bán		154.560.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>571.211.602</u>	<u>1.487.603.689</u>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

			VND
			Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
			Số cuối kỳ
Phải trả cho người bán		75.031.100.455	47.179.371.374
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài		39.432.944.115	25.281.289.795
- Công ty TNHH SX TM Huy Hiền			599.244.131
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt		3.025.241.619	2.360.467.908
- Phải trả đối tượng khác		32.572.914.721	18.938.369.540
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)		461.307.827	542.250.819
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>75.492.408.282</u>	<u>47.721.622.193</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019****11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
Thuế GTGT	-	100.946.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.073.033.822	1.877.394.486
Thuế thu nhập cá nhân	200.912.045	46.876.435
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.273.945.867</b>	<b>2.025.217.757</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài	966.892.096	-
Chi phí khác	97.000.000	174.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.063.892.096</b>	<b>174.600.000</b>

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 22)
Kinh phí công đoàn	826.688	76.324.600
Cổ tức phải trả	3.686.285	3.682.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.187.510.704	532.326.354
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	306.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.738.023.677</b>	<b>918.332.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Quý 4 năm 2019

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>14. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>						
<b>14.1</b>						VND
<b>Năm 2018</b>						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	-	114.353.432.657	22.308.815.933	320.773.031.922
Lợi nhuận thuần trong kỳ					28.857.294.510	28.857.294.510
Cổ tức công bố					(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				2.646.805.831	(2.646.805.831)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi					(2.571.415.830)	(2.571.415.830)
Số cuối kỳ	<b>131.040.000.000</b>	<b>53.070.783.332</b>	<b>-</b>	<b>117.000.238.488</b>	<b>30.223.088.782</b>	<b>331.334.110.602</b>
<b>Năm 2019</b>						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	-	117.000.238.488	30.223.088.782	331.334.110.602
Lợi nhuận thuần trong kỳ					28.948.850.615	28.948.850.615
Cổ tức công bố					(19.656.000.000)	(19.656.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				3.157.235.491	(3.157.235.491)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi					(5.653.818.229)	(5.653.818.229)
Tăng/giảm khác			114.060.604.975	(114.060.604.975)		
Số cuối kỳ	<b>131.040.000.000</b>	<b>53.070.783.332</b>	<b>114.060.604.975</b>	<b>6.096.869.004</b>	<b>30.704.885.677</b>	<b>334.973.142.988</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2019

14.2 Cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

14.3 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	5.172.946.038	5.497.637.372
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		(2.289.177.272)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	5.172.946.038	3.208.460.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	395	245

15. DOANH THU	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
15.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu vận tải đường thủy	68.639.241.690	63.257.152.722
Doanh thu vận tải đường bộ	3.471.295.850	250.966.453
Doanh thu bốc dỡ	1.123.039.530	577.779.364
Doanh thu cho thuê kho	600.000.000	362.727.273
Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.840.654.501	459.665.380
Doanh thu khác	516.855.454	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.191.087.025</b>	<b>64.908.291.192</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	35.617.621.283	30.940.691.233
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	42.573.465.742	33.967.599.959

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	3.013.661.058	1.671.530.959
Cổ tức	1.301.184.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.314.845.058</b>	<b>1.671.530.959</b>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	162.648.000	1.463.832.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>162.648.000</b>	<b>1.463.832.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2019

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.160.754	812.201.344
Chi phí nhân viên	1.959.614.700	3.467.963.099
Chi phí khấu hao tài sản	142.969.823	98.176.881
Chi phí khác	2.214.467.566	1.597.771.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.826.212.843</u></b>	<b><u>5.976.112.836</u></b>

**18. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>37.509.455</b>	<b>721.010.587</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Thu nhập khác	37.509.455	721.010.587
<b>Chi phí khác</b>	<b>444.517.226</b>	<b>52.953.968</b>
Chi phí khác	-	52.953.968
Phạt vi phạm hợp đồng	444.517.226	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>(407.007.771)</u></b>	<b><u>668.056.619</u></b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.096.692.870	30.048.290.130
Chi phí nhân viên	12.423.718.770	12.829.691.246
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	7.775.024.073	8.388.849.054
Chi phí khấu hao tài sản	5.554.290.101	5.977.413.862
Chi phí khác	3.262.231.816	1.597.771.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>75.111.957.630</u></b>	<b><u>58.842.015.804</u></b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.654.735.350	1.397.494.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.654.735.350</u></b>	<b><u>1.397.494.193</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2019

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	40.408.883.862	28.910.329.559
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.070.342.560	4.381.567.040
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	94.239.320	675.703.360

Tiền lương Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Hội đồng Quản trị	66.000.000	126.000.000
Ban Kiểm soát	18.000.000	39.000.000
Tổng Giám đốc	174.000.000	174.000.000
	<b>258.000.000</b>	<b>339.000.000</b>

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	108.782.187.380	83.459.886.040
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.293.895.044	3.601.677.385
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	103.831.552	743.273.696
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	547.299.542	-
			<b>112.179.913.976</b>	<b>87.804.837.121</b>

**Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10, số 13)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí Kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	-	365.643.829
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Phí dịch vụ	-	176.606.990
			<b>-</b>	<b>542.250.819</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2019

**22. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC**

Vào ngày 10/09/2019, Công ty CP Vận tải Hà Tiên nhận được văn bản số 694/TB-KTNN về việc thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước ("KTNN") năm 2018.

Thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một vài số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chi tiết các khoản mục được điều chỉnh hồi tố được trình bày như sau:

Khoản mục	Mã số	Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
		Số liệu đã báo cáo	Ảnh hưởng của điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
VND				
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu khách hàng	131	126.275.331.062	1.110.415.191	127.385.746.253
Hàng tồn kho	141	1.093.123.689	394.480.000	1.487.603.689
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>392.028.609.291</b>	<b>1.504.895.191</b>	<b>393.533.504.482</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	47.896.347.116	(174.724.923)	47.721.622.193
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.324.548.328	700.669.429	2.025.217.757
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.240.468.964	(322.136.000)	918.332.964
<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>61.590.613.172</b>	<b>203.808.506</b>	<b>61.794.421.678</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27.556.207.825	1.301.086.685	28.857.294.510
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>392.028.609.291</b>	<b>1.504.895.191</b>	<b>393.533.504.482</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	219.560.737.471	1.009.468.355	220.570.205.826
Giá vốn hàng bán	11	175.367.208.209	(250.825.540)	175.116.382.669
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	44.193.529.262	1.260.293.895	45.453.823.157
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	33.554.432.849	1.260.293.895	34.814.726.744
Thu nhập khác	31	940.087.905	640.515.383	1.580.603.288
Lợi nhuận khác	40	834.761.017	640.515.383	1.475.276.400
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34.389.193.866	1.900.809.278	36.290.003.144
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.638.179.531	599.722.593	7.237.902.124
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	27.751.014.335	1.301.086.685	29.052.101.020
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	27.556.207.825	1.301.086.685	28.857.294.510

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

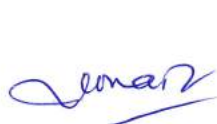
Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2019

### 23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	VND
Đến 1 năm	853.193.280	1.561.193.280	
Từ 1 đến 5 năm	50.099.440	1.171.690.480	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>903.292.720</b>	<b>2.732.883.760</b>	



Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập



Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 01 năm 2020

